

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167210101 - Nguy ấ n Lĩ k ấ o ấ n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671010686	36CVT1	Phan Th ấ Anh	01/09/1993				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
2	3671011528	36CVT1	Tr n Tu n Anh	02/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3671012042	36CVT1	Lâm Thanh B o	26/05/1994				5.5			5.5	1.7	3.7	2.6	4.2	
4	3671011999	36CVT1	B ấ i ấ nh B c	28/11/1993				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	
5	3671011285	36CVT1	Nguy n V ấ Thanh B ấ nh	30/06/1994				5.0			5.0	1.5	1.6	1.1	2.6	
6	3671011859	36CVT1	D ấ ng V ấ Ch ấ Công	09/06/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
7	3671011042	36CVT1	Phan Minh C ấ ng	16/07/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3671011473	36CVT1	Nguy n Th Minh Ch ấ u	14/03/1993				10.0			10.0	3.0	5.2	3.6	6.6	
9	3671011977	36CVT1	Tr n Th Linh Chi	12/10/1993				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
10	3671012014	36CVT1	ấ ấ ng Th Di m	18/08/1994				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
11	3671010407	36CVT1	Nguy n Ng c Ph c Dinh	21/11/1993				6.0			6.0	1.8	3.6	2.5	4.3	
12	3671010581	36CVT1	Mai Qu c D ấ ấ g	19/07/1994				6.0			6.0	1.8	2.2	1.5	3.3	
13	3671011085	36CVT1	Nguy n Ch ấ c	10/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
14	3671011935	36CVT1	Nguy n Ho ấ ng H o	14/03/1994				7.5			7.5	2.3	5.6	3.9	6.2	
15	3671012000	36CVT1	ấ ấ ng Xu ấ n H	19/08/1994				8.5			8.5	2.6	2.8	2.0	4.5	N HP
16	3671011685	36CVT1	Nguy n Trung H u	04/02/1994				5.0			5.0	1.5	1.8	1.3	2.8	
17	3671011594	36CVT1	Ph m Minh Hi u	12/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3671011562	36CVT1	V ấ ấ nh Hi p	05/07/1994				5.5			5.5	1.7	5.2	3.6	5.3	
19	3671011145	36CVT1	Nguy n Huy Ho ấ ng	30/08/1994				5.0			5.0	1.5	7.3	5.1	6.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167210101 - Nguy ² n ầ k to ầ n H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N		NGÀY SINH	ầI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ầI M THI	QUY TS : 70.00%	ầI M TK	GHI CHÚ	
						L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3671011846	36CVT1	Ph m	Nguy n Anh	Hoàng	28/02/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
21	3671010364	36CVT1	VH	B ầ n	Hòa	01/01/1994				8.0			8.0	2.4	1.4	1.0	3.4	
22	3671011676	36CVT1	ầ o	ầ Quang	Hùng	18/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3671012023	36CVT1	L²	M nh	Hùng	02/10/1994				6.0			6.0	1.8	3.6	2.5	4.3	
24	3671011905	36CVT1	L²	V ầ	Hùng	06/03/1994				10.0			10.0	3.0	8.9	6.2	9.2	
25	3671010933	36CVT1	L²	m Tri u	H ng	01/10/1994				6.5			6.5	2.0	1.9	1.3	3.3	
26	3671011897	36CVT1	Nguy n	Th Thu	H ng	26/01/1994				9.0			9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
27	3671012037	36CVT1	Nguy n	Minh	Kha	17/08/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
28	3671011614	36CVT1	Hu	nh Gia	Khánh	14/02/1994				6.5			6.5	2.0	3.9	2.7	4.7	
29	3671010277	36CVT1	Kh ng	Duy	Khánh	10/07/1993				5.0			5.0	1.5	2.4	1.7	3.2	
30	3671011585	36CVT1	Nguy n	Ho	ầ	Khánh	02/02/1993				5.5			5.5	1.7	4.8	3.4	5.0
31	3671010625	36CVT1	Ng»	ầ nh	Khiêm	23/12/1993				5.0			5.0	1.5	1.4	1.0	2.5	
32	3671011655	36CVT1	Tr n	ầ ầ	Khoa	17/06/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
33	3671011654	36CVT1	Nguy n	Th	Lan	30/03/1994				9.5			9.5	2.9	7.0	4.9	7.8	
34	3671011891	36CVT1	Tr n	Th	Liên	22/11/1993				7.5			7.5	2.3	2.8	2.0	4.2	
35	3671010405	36CVT1	L²	Th Kim	Linh	12/02/1994				9.5			9.5	2.9	7.0	4.9	7.8	N HP
36	3671011502	36CVT1	Vô	Minh	Luân	10/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3671011465	36CVT1	Lê	Hoàng	Minh	07/10/1994				8.0			8.0	2.4	1.0	0.7	3.1	
38	3671011217	36CVT1	Nguy n	V ầ	M t	11/08/1994				6.0			6.0	1.8	1.3	0.9	2.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167210101 - Nguy ấ n L ấ k t ấ n H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CH ấ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671012007	36CVT1	Nguy n Th Ng ấ n	20/05/1994				7.5			7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
40	3671010483	36CVT1	Nguy n Th Kim Ng ấ n	11/01/1994				8.0			8.0	2.4	4.9	3.4	5.8	
41	3671011953	36CVT1	Nguy n Th Kim Ng ấ n	10/08/1992				9.0			9.0	2.7	7.6	5.3	8.0	
42	3671010969	36CVT1	Tr n Th Kim Ng ấ n	15/09/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
43	3671011649	36CVT1	L ấ Anh Ng ấ y ấ n	26/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	3671011937	36CVT1	L ấ Trung Nh ấ n	01/01/1993				7.5			7.5	2.3	4.1	2.9	5.1	
45	3671010806	36CVT1	V H Minh Nh t	20/11/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
46	3671010610	36CVT1	ấ Ng c T ấ n Nh ấ	19/08/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
47	3671011849	36CVT1	L c V ấ Nh Nh c	18/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
48	3671011670	36CVT1	L ấ T n Ph ấ t	10/01/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
49	3671011112	36CVT1	Nguy n Th nh Ph ấ t	14/09/1994				6.0			6.0	1.8	5.7	4.0	5.8	
50	3671010475	36CVT1	Nguy n H ồ ng Quang	10/04/1994				6.0			6.0	1.8	4.7	3.3	5.1	
51	3671010849	36CVT1	Nguy n Tr ng Quang	23/05/1994				8.5			8.5	2.6	2.2	1.5	4.1	
52	3671010666	36CVT1	Nguy n T ấ n Qu ng	28/12/1991				5.0			5.0	1.5	1.8	1.3	2.8	
53	3671012029	36CVT1	L ấ ấ nh Qu ấ n	28/01/1993				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
54	3671011090	36CVT1	C Ng c H ồ n Qu ấ	24/02/1994				5.5			5.5	1.7	2.2	1.5	3.2	
55	3671010785	36CVT1	ấ V ấ Nh Sang	29/04/1994				5.0			5.0	1.5	1.2	0.8	2.3	
56	3671010828	36CVT1	L ấ H u Sinh	12/04/1991				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
57	3671012015	36CVT1	H ồ ng V ấ Nh S n	13/04/1994				6.0			6.0	1.8	7.2	5.0	6.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167210101 - Nguy ấ n L ấ k ấ o ấ n H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671010916	36CVT1	Ph m B ấ S n	10/12/1994				7.5			7.5	2.3	3.7	2.6	4.8	
59	3671011294	36CVT1	Mai Ng c S	20/11/1993				6.0			6.0	1.8	5.2	3.6	5.4	
60	3671010939	36CVT1	H ấ Nh t Tâm	16/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.2	1.5	3.6	
61	3671011095	36CVT1	Phan V ấ Nh Tân	07/04/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
62	3671010368	36CVT1	Hoàng Anh T ấ n	25/05/1994				7.5			7.5	2.3	3.4	2.4	4.6	
63	3671011863	36CVT1	Nguy n V ấ Nh T ấ n	13/01/1993				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
64	3671011939	36CVT1	Nh Qu c T ấ nh	24/04/1993				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	N HP
65	3671011627	36CVT1	Ngô Anh To ấ n	28/08/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
66	3671010755	36CVT1	Lê Anh T ấ n	04/05/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
67	3671012033	36CVT1	Nguy n Minh T ấ n	01/06/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
68	3671011919	36CVT1	Ph m Quang T ấ y n	24/11/1993				5.5			5.5	1.7	3.4	2.4	4.0	
69	3671010380	36CVT1	Nguy n Tr ng Tú	26/09/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
70	3671010480	36CVT1	Tr n Xu ấ n Thanh	11/01/1993				6.0			6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	
71	3671010612	36CVT1	Nguy n Quy t Th ng	01/12/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
72	3671011223	36CVT1	Nguy n V ấ Nh Th ng	28/09/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
73	3671011578	36CVT1	Tr n Qu c Th ng	20/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
74	3671011483	36CVT1	Tr n V ấ Nh Th ng	01/05/1994				5.5			5.5	1.7	1.2	0.8	2.5	
75	3671010266	36CVT1	ấ o ấ Ph ng Thi n	27/11/1992				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
76	3671010291	36CVT1	Phan Công Th ấ n	03/11/1992				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167210101 - Nguy ấ n L ấ k t ấ n H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671011604	36CVT1	T H u Th nh	22/01/1994				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	N HP
78	3671010158	36CVT1	V ấ ấ ấ Ng Th i	07/09/1988				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
79	3671011852	36CVT1	ấ ấ Th Ho ấ Thu	17/09/1993				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
80	3671011632	36CVT1	L u Kim Th	19/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
81	3671011896	36CVT1	Nguy n Th Trang	02/07/1994				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
82	3671010487	36CVT1	V ấ D ng Vi t Tr ấ n	10/05/1994				5.5			5.5	1.7	3.7	2.6	4.2	
83	3671011934	36CVT1	Tr n Th Nh Tr ấ nh	20/03/1994				10.0			10.0	3.0	5.8	4.1	7.1	
84	3671010253	36CVT1	Lê Thành Tr ng	09/10/1994				5.0			5.0	1.5	5.7	4.0	5.5	
85	3671011964	36CVT1	Nguy n Qu c Trung	26/05/1994				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
86	3671011561	36CVT1	Nguy n V ấ Nh Trung	12/05/1994				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
87	3671011631	36CVT1	Ph m Quang Trung	09/09/1994				8.0			8.0	2.4	4.1	2.9	5.3	
88	3671010776	36CVT1	Nguy n V ấ Nh Tr ng	15/09/1993				7.0			7.0	2.1	6.6	4.6	6.7	
89	3671010920	36CVT1	Nguy n V ấ Nh V ấ ng	05/05/1994				6.0			6.0	1.8	3.9	2.7	4.5	
90	3671011665	36CVT1	Tr n Th H ng V ấ n	31/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
91	3671010335	36CVT1	Nguy n V ấ Nh Vinh	26/10/1994				5.0			5.0	1.5	1.9	1.3	2.8	
92	3671011147	36CVT1	Phan Anh V ấ O	26/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
93	3671010132	36CVT1	Ph m Tu n V ấ O	18/08/1991				7.5			7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
94	3671012009	36CVT1	Nguy n Th V	02/10/1994				9.0			9.0	2.7	3.0	2.1	4.8	
95	3671010391	36CVT1	V ấ O Th Thanh Xu ấ n	06/03/1994				9.0			9.0	2.7	3.1	2.2	4.9	

T ñg s : 95 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa